

## CHƯƠNG TRÌNH

### phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025

-----

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX ban hành Chương trình trọng tâm về phát triển kết cấu hạ tầng (giao thông, du lịch, cửa khẩu, đô thị, hạ tầng số) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 với những nội dung chủ yếu sau đây:

#### A. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

##### I- VỀ HẠ TẦNG GIAO THÔNG

###### 1. Thuận lợi

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 6.049km đường bộ, trong đó có 714,36km đường Quốc lộ, 1.046,7km đường tỉnh, 1.494,6km đường huyện và 3.507,6km đường xã; tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường quốc lộ, tỉnh lộ là 100%, đường huyện là 76%, đường xã, thôn xóm là 74%, đường trực chính nội đồng là 55%.

Quy mô kỹ thuật của các tuyến quốc lộ là cấp IV<sub>mn</sub> đến cấp V<sub>mn</sub>, trong đó chủ yếu là đường cấp V<sub>mn</sub>. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh đã được sửa chữa đáng kể về nền mặt đường, hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông, xử lý nhiều điểm tiềm ẩn, điểm đen về tai nạn giao thông, đáp ứng khá kịp thời nhu cầu đi lại ngày càng tăng của Nhân dân.

Các tuyến đường tỉnh chủ yếu có quy mô kỹ thuật là đường cấp VI<sub>mn</sub> với kết cấu áo đường cấp thấp. Trong giai đoạn 2016 - 2020, một số tuyến đường tỉnh được đầu tư với quy mô đường cấp IV<sub>mn</sub>, mặt đường bê tông nhựa để phục vụ giao thương với các huyện biên giới, phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu và dịch vụ, du lịch.

Hệ thống đường huyện, đường xã được đầu tư khá lớn, dần hình thành mạng lưới đường bộ liên hoàn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, trong đó: (i) tuyến đường bộ cao tốc từ Bắc Kạn - Cao Bằng, dài 90km, đầu tư sau năm 2030 với quy mô 4 làn xe; (ii) tuyến đường bộ cao tốc



Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), dài 115km, đầu tư đến năm 2030 đạt quy mô 04 làn xe; (iii) Tuyến QL3 quy hoạch quy mô đường cấp III - IV, 2 - 4 làn xe; (iv) Tuyến QL4A, QL4C quy hoạch quy mô đường cấp III - IV, 2 - 4 làn xe; (v) Tuyến QL34, QL34B quy hoạch quy mô đường cấp IV, 2 - 4 làn xe; (vi) Đường Hồ Chí Minh (đoạn Pác Bó - Thành phố Cao Bằng) đi theo đường hiện tại; (vii) QL3C quy hoạch kéo dài đến huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng (giao với QL34B) quy mô đường cấp IV, 2 làn xe.

Sân bay Cao Bằng đang được Bộ Giao thông vận tải xem xét, nghiên cứu đưa vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc giai đoạn sau năm 2030.

## **2. Khó khăn, hạn chế**

Mạng lưới đường bộ trên địa bàn tỉnh khá lớn, tuy nhiên hầu hết các tuyến đường được đầu tư đã lâu, một số tiêu chuẩn kỹ thuật không còn đáp ứng được sự an toàn khi tham gia giao thông của các phương tiện có kích thước và tải trọng lớn. Hệ thống quốc lộ phần lớn được thiết kế với tải trọng và lưu lượng xe hạn chế; vẫn còn đến 49% tổng chiều dài là đường cấp Vmн. Từ năm 2015 đến nay, hệ thống đường quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh không được đầu tư cải tạo, nâng cấp.

Nhiều tuyến đường tỉnh (*nhất là các tuyến đường huyện mới nâng thành đường tỉnh*) được đầu tư đã lâu, quy mô kỹ thuật thấp, đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Hầu hết các tuyến đường huyện thiết kế với quy mô kỹ thuật thấp, kết cấu mặt đường mỏng, hệ thống thoát nước còn thiếu nhiều dẫn tới nền mặt đường bị xói lở trong mùa mưa.

## **II- VỀ HẠ TẦNG DU LỊCH**

### **1. Thuận lợi**

Trong những năm qua, du lịch của tỉnh đang có bước phát triển, tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân. Tỉnh đang tập trung huy động các nguồn lực xã hội, các thành phần kinh tế nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế du lịch, từng bước đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Nhìn chung, ngành du lịch của tỉnh đã cơ bản bước đầu khai thác những tiềm năng, thế mạnh để tăng trưởng với tốc độ khá nhanh. Trong 5 năm trở lại đây, nhiều dự án đầu tư phát triển hạ tầng du lịch được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và xã hội hóa và nhà đầu tư đã phát huy hiệu quả.

### **2. Khó khăn, hạn chế**

Hạ tầng du lịch được đánh giá là một trong những điểm yếu của du lịch địa phương, nhất là về hạ tầng giao thông, nhiều tuyến đường có cung đường nhỏ, hẹp, quanh co đèo dốc, xảy ra ùn tắc vào những dịp cao điểm. Hệ thống

giao thông nội vùng tại các điểm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, khám phá vùng biển chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Số lượng cơ sở lưu trú du lịch chất lượng cao trên địa bàn tỉnh có mức độ tăng trưởng chậm. Hệ thống nhà hàng trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách du lịch, các khu vui chơi giải trí phục vụ du lịch còn thiếu, chưa có các hoạt động thu hút, kéo dài thời gian lưu trú, tham quan, giải trí cho khách du lịch. Các điểm dừng chân chưa được quan tâm đầu tư, chủ yếu mang tính tự phát của người dân, các dịch vụ phục vụ tại các điểm dừng nghỉ chưa đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (*nhất là vấn đề vệ sinh, môi trường*) ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển du lịch địa phương.

### **III- VỀ HẠ TẦNG CỦA KHẨU**

#### **1. Thuận lợi**

Với trên 333 km đường biên giới trên đất liền tiếp giáp với Trung Quốc, phát triển kinh tế cửa khẩu được xem là tiềm năng, thế mạnh của địa phương, kết cấu hạ tầng cửa khẩu đã và đang được đầu tư xây dựng. Giai đoạn 2016 - 2020, khu kinh tế cửa khẩu được lựa chọn là 1 trong 9 khu kinh tế trọng điểm, việc đầu tư cơ sở hạ tầng và hoạch định chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu là trọng tâm trong Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh, đến nay đã đầu tư và hoàn thiện một số dự án quan trọng và phát huy hiệu quả rõ rệt, từng bước khang trang và đồng bộ hạ tầng phần cứng, tạo thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa, thu hút nhiều dự án đầu tư. Ngoài các công trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tỉnh đã thu hút được 78 dự án đầu tư còn hiệu lực vào khu kinh tế cửa khẩu với tổng vốn đăng ký là 13.484 tỷ đồng, trong đó có 69 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 12.632 tỷ đồng và 09 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký là 851,3 tỷ đồng. Các dự án đi vào hoạt động hiệu quả góp phần giải quyết công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho một số lao động địa phương và phục vụ hỗ trợ dịch vụ thương mại cho hoạt động kinh tế biên mậu. Các dự án Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết các xã, thị trấn biên giới nơi có cửa khẩu, lối mở cũng được triển khai thực hiện, góp phần định hướng phát triển các ngành kinh tế, thu hút đầu tư và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

#### **2. Khó khăn, hạn chế**

Khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh có đường biên giới dài tiếp giáp phía Trung Quốc với 6 cặp cửa khẩu và nhiều lối mở, theo đó nhu cầu dự án đầu tư là rất lớn. Tuy nhiên, hiện nay các dự án đầu tư chủ yếu tập trung cho các cửa khẩu Tà Lùng, Trà Linh, còn các cửa khẩu Lý Vạn, Pò Peo, Hạ Lang và các lối mở biên giới khu vực này vẫn chưa được quan tâm đầu tư như: Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu, nhà làm việc chung của các lực lượng chuyên ngành, hệ thống giao thông chính và hạ tầng thiết yếu, hệ thống cấp điện, cấp nước, khu tái định cư.

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng số kinh phí ngân sách nhà nước chỉ đạt 63,8% kế hoạch. Mặt khác, nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào nguồn ngân sách Trung ương, chưa đảm bảo được nhu cầu vốn cho đầu tư.

#### **IV- VỀ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ**

Toàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại III (*thành phố Cao Bằng*); 14 đô thị loại V (*thị trấn Bảo Lạc, thị trấn Pác Miêu, thị trấn Thanh Nhật, thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông, thị trấn Nước Hai, thị trấn Nguyên Bình, thị trấn Tĩnh Túc, thị trấn Hòa Thuận, thị trấn Tà Lùng, thị trấn Quảng Uyên, thị trấn Đông Khê, thị trấn Trà Lĩnh và thị trấn Trùng Khánh*); tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 23,91%. Nhìn chung các đô thị trên địa bàn tỉnh còn có quy mô nhỏ, mật độ tập trung dân số chưa cao, khả năng cân đối thu chi ngân sách nhiều đô thị chưa đảm bảo, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với bình quân chung cả nước.

##### **1. Thuận lợi**

Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng của các đô thị trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm đầu tư (*Hệ thống đường đô thị các thị trấn: Trùng Khánh, Tà Lùng, Trà Lĩnh...; Chợ đêm ẩm thực thành phố Cao Bằng; Khách sạn Pác Bó; Đường Võ Nguyên Giáp; Kè bờ sông Bằng, sông Hiến, tuyến phố đi bộ phường Hợp Giang; dự án nhà ở để bán kết hợp cho thuê tại lô đất số 15, 16 khu đô thị mới Đề Thám, thành phố Cao Bằng...*), từng bước trở thành vùng động lực, đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; đồng thời, góp phần giải quyết vấn đề tăng dân số ở các đô thị trong tương lai.

##### **2. Khó khăn, hạn chế**

Hệ thống Quy hoạch xây dựng (*Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, quy hoạch nghĩa trang, quy hoạch các khu xử lý chất thải xây dựng*) chậm được điều chỉnh, quy hoạch của một số đô thị chưa được lập; thiếu Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị tại các đô thị; tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết toàn tỉnh còn thấp (khoảng 10,3%). Hệ thống giao thông đô thị chưa đồng bộ, các trục chính đô thị vẫn đi chung với đường Quốc lộ, tỉnh lộ, tỷ lệ đất giao thông đô thị, tỷ lệ người dân được cung cấp nước sạch đô thị còn thấp; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị chưa được đầu tư; việc triển khai thực hiện các dự án phát triển đô thị, dự án nhà ở tại các đô thị còn nhiều vướng mắc.

#### **V- VỀ HẠ TẦNG SỐ**

Hạ tầng số phục vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số là một thành phần quan trọng trong quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Các thành phần của hạ tầng số phục vụ Chính quyền số có liên quan và tác động lẫn nhau như hạ tầng kỹ thuật, hệ thống nền tảng, cơ sở dữ liệu, các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin, kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu, đảm

bảo an toàn, an ninh thông tin... Việc phát triển và xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại phục vụ Chính quyền số là xu hướng phát triển của thế giới nói chung và sự quyết tâm của Chính phủ Việt Nam nói riêng trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

## 1. Thuận lợi

- Đối với hạ tầng kỹ thuật: Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước đã kết nối từ trung tâm tỉnh đến các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, sẵn sàng đáp ứng các ứng dụng, dịch vụ và khai thác dữ liệu của các cơ quan. Mạng Internet băng thông rộng đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và các cơ quan nhà nước với 100% số xã có đường truyền cáp quang; chưa có mạng diện rộng (WAN) của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin; 100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập đến cấp xã có mạng máy tính nội bộ (LAN) được kết nối internet tốc độ cao, đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng dùng chung, trao đổi thông tin, truy cập internet. Máy tính phục vụ công việc ở cấp Sở, Ban ngành và cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt 83%.

Năm 2020, Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh (IOC) được đưa vào sử dụng một số dịch vụ thí điểm thực hiện chức năng quản lý, khai thác, vận hành và thu thập xử lý thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Đối với các hệ thống nền tảng: Tỉnh đã trang bị Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) năm 2020 (*theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin của doanh nghiệp*) phục vụ kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của tỉnh, đáp ứng cơ bản việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin, dịch vụ của các bộ, ngành cung cấp.

- Đối với cơ sở dữ liệu: Trong giai đoạn 2016 - 2020, một số cơ sở dữ liệu đã được xây dựng bao gồm: Cơ sở dữ liệu thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội; các cơ sở dữ liệu của chuyên ngành được triển khai theo quy mô từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, các cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh chưa được xây dựng nên chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Đối với các ứng dụng, dịch vụ: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được trang bị đồng nhất trong toàn tỉnh từ năm 2017, liên thông 4 cấp (*Trung ương, tỉnh, huyện, xã*), đến nay đã có trên 93% văn bản gửi, nhận giữa các cơ quan dưới dạng điện tử; hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố hoạt động ổn định. Cổng Dịch vụ công tỉnh được trang bị năm 2020, đáp ứng cơ bản chức năng, tính năng kỹ thuật; kết nối thông tin với Cổng Dịch vụ công quốc gia về thanh toán trực tuyến, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ, liên

thông hồ sơ; kết nối các danh mục thủ tục hành chính, các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan. 100% cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh trang bị phần mềm một cửa điện tử phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh đã được trang bị để phục vụ công tác báo cáo định kỳ theo quy định, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia. Phần lớn các cơ quan nhà nước tỉnh đã triển khai một số ứng dụng các phần mềm phục vụ các công việc thường xuyên như: Phần mềm tài chính kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý nhân sự...

## **2. Khó khăn vướng mắc**

Trung tâm dữ liệu tỉnh được trang bị đã lâu, đến nay không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của một trung tâm dữ liệu cấp tỉnh. Hệ thống máy tính nhiều đơn vị chất lượng không đảm bảo; chưa có mạng diện rộng (WAN) của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin nên các hệ thống thông tin đang sử dụng (*hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa điện tử, hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Cao Bằng...*) đều kết nối, chia sẻ qua môi trường mạng Internet công cộng, do vậy chưa đảm bảo về bảo mật, an toàn an ninh thông tin.

Kinh phí chi cho hoạt động công nghệ thông tin còn thấp so với mức bình quân các tỉnh, thành (*chưa đến 1% ngân sách*); việc huy động nguồn lực của xã hội, nhất là từ doanh nghiệp để đầu tư phát triển công nghệ thông tin còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh còn thấp, chưa đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

## **B. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **I- QUAN ĐIỂM**

Từng bước phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, cửa khẩu, đô thị, du lịch trên địa bàn tỉnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân. Từng bước phát triển hạ tầng số để xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số vào năm 2025.

### **II- MỤC TIÊU CHUNG**

#### **1. Mục tiêu chung**

Ưu tiên tập trung phát triển một số công trình trọng điểm về giao thông, hạ tầng cửa khẩu, đô thị, du lịch trên địa bàn tỉnh nhằm từng bước khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về kết cấu hạ tầng, phát huy thế mạnh của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống Nhân dân, mở ra không gian phát triển, tạo quỹ đất, nuôi dưỡng nguồn thu, đồng thời thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia nghiên cứu, đầu tư tại tỉnh. Xây dựng hạ tầng thông tin hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ nhằm kết nối các cơ quan nhà nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số ở mức độ cao góp phần cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính (PAR), chỉ số năng lực

cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Đối với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông**

- Phấn đấu đến hết năm 2024, hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) giai đoạn 1;

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa các tuyến đường kết nối đến các cửa khẩu, các khu, điểm du lịch và các huyện của tỉnh giáp ranh (Hà Giang, Bắc Kạn, Lạng Sơn);

- Đến hết năm 2025, phấn đấu 85% chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường, 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa.

- Đề nghị Chính phủ quy hoạch sân bay Cao Bằng vào giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **2.2. Đối với phát triển hạ tầng du lịch**

- Giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu đón khoảng 6 triệu khách du lịch, tăng từ 15 - 20%, trong đó trên 200 nghìn lượt khách quốc tế; tăng trưởng du lịch đạt từ 10 - 20%; thu nhập xã hội từ du lịch đạt từ 15 - 20%; phấn đấu đến năm 2025, thu nhập xã hội từ du lịch đạt trên 1.300 tỷ đồng; tỷ trọng du lịch đến năm 2025 chiếm 5 - 6%.

- Phấn đấu đến hết năm 2025 trên địa bàn tỉnh có 03 - 05 cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn từ 3 - 5 sao; 25 - 35 cơ sở lưu trú tiêu chuẩn 2 sao; hệ thống nhà hàng, vui chơi giải trí, điểm dừng chân đáp ứng cơ bản nhu cầu của khách du lịch.

- Phấn đấu đến hết năm 2025, khu du lịch Thác Bản Giốc đạt tiêu chí trở thành khu du lịch quốc gia theo Luật Du lịch 2017 và trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch qua biên giới, du lịch xanh, du lịch thông minh; hoàn thiện và công nhận từ 3 khu du lịch cấp tỉnh, 10 điểm du lịch địa phương.

### **2.3. Đối với phát triển hạ tầng đô thị**

Phấn đấu đến hết năm 2025 thực hiện hoàn thành các mục tiêu:

- Tất cả các đô thị trên địa bàn tỉnh được lập, điều chỉnh quy hoạch chung phù hợp với định hướng phát triển đô thị của chương trình phát triển đô thị của tỉnh; tăng tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các đô thị toàn tỉnh đạt khoảng 40%; 100% các đô thị trên địa bàn tỉnh ban hành quy chế kiến trúc.

- Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số đường chính tại thành phố Cao Bằng đạt 40% và các thị trấn đạt 14% trở lên.

- Phấn đấu 100% dân cư đô thị được dùng nước sạch.

- Đến hết năm 2025, phấn đấu thu hút đầu tư và xây dựng 20 dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng 04 tuyến đường tránh để mở rộng khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch và nâng cao tỷ lệ giao thông đô thị tại các thị trấn: Xuân Hòa, Quảng Uyên, Nước Hai, Thanh Nhật; đầu tư xây dựng 04 công trình kiến trúc cảnh quan đô thị tại địa bàn thành phố Cao Bằng (*phố đi bộ ven sông Bằng; Bảo tàng tỉnh; trụ sở Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND; hợp khối trụ sở các cơ quan khối Chính quyền của tỉnh*).

#### **2.4. Đối với phát triển hạ tầng cửa khẩu**

- Giai đoạn 2021 - 2022 tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư hoàn thiện các dự án kết cấu hạ tầng tại khu vực các cửa khẩu, lối mở chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang; triển khai các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 theo thứ tự ưu tiên (*tập trung vào khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, Tà Lùng, Sóc Giang, Lý Vạn, lối mở Bản Giốc*).

- Tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư nhằm huy động nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước.

#### **2.5. Đối với phát triển hạ tầng số**

- Hình thành nền tảng dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh thông qua nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung và nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

- 100% các hệ thống thông tin trọng yếu, dùng chung của tỉnh được kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,... để phục vụ phát triển Chính quyền số, phục vụ Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 65% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ băng thông rộng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ từ xa qua các dịch vụ đô thị thông minh phục vụ cho người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả trong các ngành như: Y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, giao thông...

- Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

- 100% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 trên các nền tảng.

- 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

## C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### I- NHIỆM VỤ

#### 1. Đối với phát triển hạ tầng giao thông

- Hoàn thiện các thủ tục và triển khai thi công hoàn thành giai đoạn 1 tuyến đường bộ cao tốc từ Đồng Đăng (Lạng Sơn) đến thành phố Cao Bằng và triển khai các thủ tục đầu tư giai đoạn 2 đến cửa khẩu Trà Lĩnh (Cao Bằng).

- Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các tuyến đường theo phương án kết nối giao thông tới các cửa khẩu, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh và kết nối giữa một số huyện của tỉnh Cao Bằng với huyện giáp ranh của các tỉnh lân cận (Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hà Giang) phù hợp với nguồn lực của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025;

- Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của giai đoạn 2021 - 2025 và tiếp tục phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh; phấn đấu 85% chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường, 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa.

- Thực hiện các thủ tục liên quan để đề nghị Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ bổ sung Quy hoạch sân bay Cao Bằng vào giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### 2. Đối với phát triển hạ tầng du lịch

- Tập trung triển khai các dự án phát triển du lịch, ưu tiên các dự án có hệ thống dịch vụ đồng bộ, chất lượng cao, có khả năng đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch trong nước và quốc tế; dự án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa, kiến trúc bản địa gắn với phát triển du lịch; dự án bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong vùng công viên địa chất; đề án bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch, xử lý rác thải tại nguồn; dự án phát triển các sản phẩm, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch; các dự án đầu tư xây dựng hạng mục cơ sở vật chất du lịch, các trung tâm thương mại, dịch vụ tại khu du lịch trọng điểm; dự án phát triển các điểm du lịch tiềm năng.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch: Đầu tư cơ sở hạ tầng như nhà hàng, khách sạn, du lịch trên sông, hồ, dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, kiot bán hàng, bến thuyền, tuyến phố đi bộ ven sông, làng nghề, sân golf, điểm dừng chân, trung tâm thông tin du lịch, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, đường tránh tại các khu, điểm du lịch. Hoàn thiện và đưa vào khai thác các cơ sở lưu trú du lịch cao cấp, hệ thống vật chất kỹ thuật tại các điểm du lịch tiềm năng, các làng nghề truyền thống ... phục vụ cho hoạt động du lịch.

- Tập trung phát triển hệ thống giao thông và hệ thống biển, bảng chỉ dẫn trên các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng bồi trợ phục vụ hoạt động du lịch: Các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ hoạt động du lịch: Khu liên hợp thể thao tỉnh, Bảo tàng tỉnh (*thành phố Cao Bằng*); Nhà văn hóa trung tâm sân vận động, sân thể thao trung tâm, khu vui chơi các xã (*huyện Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hòa An*)...

- Đầu tư hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất kỹ thuật tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, du lịch cộng đồng và các điểm có tiềm năng phát triển du lịch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về giao thông du lịch thông minh.

### **3. Đối với phát triển hạ tầng cửa khẩu**

- Tập trung đầu tư vào hệ thống đường giao thông chính và thiết yếu trong khu vực cửa khẩu, khu trung chuyển hàng hóa nông, lâm sản tại cửa khẩu Trà Lĩnh, cảng cạn ICD.

- Đầu tư vào khu vực các cửa khẩu, lối mở phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh tế biên mậu và hình thành hệ thống các tiêu đô thị vùng biên vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa đảm bảo an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

### **4. Đối với phát triển hạ tầng đô thị**

- Ưu tiên vốn để điều chỉnh, lập mới Quy hoạch xây dựng đô thị, lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị của các đô thị trên địa bàn tỉnh; lập danh mục tài trợ sản phẩm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát chương trình phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh (*nhất là các đô thị vừa thực hiện sáp nhập mở rộng đô thị*); lập, điều chỉnh các khu vực phát triển đô thị của thành phố Cao Bằng; xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị, công bố danh mục các dự án phát triển của các đô thị để thu hút đầu tư.

- Bố trí vốn đầu tư công để xây dựng các hạ tầng đô thị thiết yếu, hạ tầng kỹ thuật khung để thu hút các nhà đầu tư xây dựng các dự án phát triển đô thị, dự án nhà ở tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện 06 dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Cao Bằng (*dự án số 3A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A*) và các dự án phát triển đô thị khác theo quy hoạch được phê duyệt.

### **5. Đối với phát triển hạ tầng số**

- Trang bị hạ tầng trung tâm dữ liệu tinh đáp ứng yêu cầu phát triển các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống nền tảng xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin, CSDL, phục vụ triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tập trung, qua đó hình thành hạ tầng kỹ thuật thiết yếu làm cơ sở cho phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền tảng đô thị thông minh của tỉnh (SPC), phục vụ kết nối, tích hợp, phân tích dữ liệu trên Trung tâm điều hành thông minh (IOC), đồng thời cũng là nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm điều hành thông minh trung tâm tỉnh với các hệ thống thông minh khác trong và ngoài tỉnh, với các hệ thống thông tin của Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Đầu tư xây dựng Hệ thống nền tảng và phân hệ các CSDL chuyên ngành, hình thành kho dữ liệu số của tỉnh phục vụ các yêu cầu quản lý, đánh giá, phân tích, ra quyết định chỉ đạo điều hành; cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư; việc xây dựng các CSDL chuyên ngành đảm bảo đồng bộ, thống nhất, kết nối với các CSDL quốc gia để tránh trùng lặp; sử dụng lại tối đa các dữ liệu, thông tin từ các CSDL mà các bộ, ngành Trung ương đã đưa vào sử dụng, tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Trang bị hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng cấp tỉnh (SOC) có chức năng phòng chống mã độc tập trung, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống nền tảng y tế thông minh cấp tỉnh phục vụ quản lý khám chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, hình thành hệ sinh thái y tế điện tử.

- Xây dựng, phát triển hệ thống giáo dục thông minh dựa trên nền tảng số.

- Xây dựng nền tảng Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Cao Bằng (IOC) đưa vào sử dụng một số dịch vụ đô thị thông minh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Phát triển mạng băng thông rộng di động 5G trên địa bàn tỉnh.

## **II- GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp chung**

#### **1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự quản lý của UBND tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực có liên quan.

Các ban đảng, huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân để hiểu rõ và thực hiện tốt, có hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu Chương trình và Kế hoạch của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình.

#### **1.2. Công tác phối hợp**

Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành và Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thúc đẩy tiến độ các dự án đầu tư.

### **1.3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư và khai thác thuộc các lĩnh vực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh, tính minh bạch và hiệu quả đối với các dự án đầu tư, các nhà đầu tư.

## **2. Giải pháp về cơ chế chính sách và nguồn vốn**

### **2.1. Về cơ chế chính sách**

- Vận dụng linh hoạt các chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tranh thủ sự chỉ đạo, ủng hộ của Trung ương, tạo mối liên kết phát triển với các địa phương trong cả nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp khi tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đối với những dự án lớn, trọng điểm, có tính chất lan tỏa.

### **2.2. Về vốn đầu tư**

#### **- Về nguồn vốn**

Sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, các nhà đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Huy động và sử dụng nguồn lực hợp lý để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các công trình có tính lan tỏa, đảm bảo kết nối các phương thức vận tải, các cửa ngõ, đầu mối giao thông quan trọng gắn với với mạng lưới hạ tầng giao thông kết nối các cửa khẩu, điểm du lịch và liên kết liên vùng.

#### **- Dự kiến nhu cầu vốn (tỷ đồng):**

STT	Nội dung	Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN	Tổng cộng
1	Phát triển hạ tầng giao thông	11.738,8	7.527,6	19.266,4
2	Phát triển hạ tầng du lịch	1.050,8	0	1.050,8
3	Phát triển hạ tầng cửa khẩu	300,8	10.265	10.565,8
4	Phát triển hạ tầng đô thị	3.310,2	9.683,3	12.993,5
5	Phát triển hạ tầng số	73,6		73,6
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>16.474,2</b>	<b>27.475,9</b>	<b>43.950,1</b>

## **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Giao Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Chương trình bằng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp, hiệu quả đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình đã đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế.

**2.** Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát các ngành, các cấp triển khai thực hiện Chương trình.

**3.** Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình; tổ chức tổng hợp ý kiến của nhân dân về chương trình và thực hiện giám sát theo quy định.

**4.** Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về triển khai thực hiện Chương trình trọng tâm của Tỉnh uỷ ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

**5.** Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành triển khai thực hiện. Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện các nội dung của Chương trình; định kỳ 06 tháng, 01 năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá, Thể thao và Du lịch,
- Các đ/c Tỉnh uỷ viên,
- Các ban Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thành uỷ,
- Các sở, ban, ngành,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

(báo cáo),



T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ

Trần Hồng Minh

Phản phát triển hạ tầng giao thông

**BIỂU DANH MỤC ĐỀ ÁN, MỘT SỐ DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TÂM VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH CAO BẰNG**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
<b>I QUY HOẠCH</b>								
1	Bổ sung Quy hoạch sân bay Cao Bằng	Sở GTVT	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025			Các văn bản có ý kiến đồng thuận của các Bộ ngành liên quan	
2	Quy hoạch tỉnh Cao Bằng (trong đó có quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông)	Sở GTVT	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2022			Quy hoạch tỉnh Cao Bằng	
<b>II ĐỀ ÁN</b>								
1	Phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	Sở GTVT	Sở KHĐT, Tài chính, UBND các huyện, thành phố	2021			Nghị quyết của HĐND	
<b>III CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>								
1	Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) đến thành phố Cao Bằng (giai đoạn 1)	UBND tỉnh	Sở GTVT, Ban QLDA ĐTXD các CTGT	2021-2024	5.018,4	NSNN (hình thức PPP)	Nhà đầu tư và theo quy định, hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2024	Dự án được triển khai theo quy định, hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2024
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hà Quảng	2021-2024	350,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	Dự án được triển khai theo quy định, hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2024
3	Cầu Bản Đè (Sông gâm) và đường kết nối QL34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Bảo Lâm	2021-2024	80,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	Dự án được triển khai theo quy định, hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2024
4	Đường từ xã Sơn Lập (Bảo Lạc) - xã Yên Thô (Bảo lâm), tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Bảo Lâm	2021-2024	200,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	Dự án được triển khai theo tiến độ được duyệt
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Quang Hòa	2021-2024	180,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	Dự án được triển khai theo tiến độ được duyệt

**Phản phát triển hạ tầng giao thông**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
6	Đường giao thông Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc từ 520 đến 534	BCH BĐBP tỉnh	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Bảo Lạc	2021-2024	80,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (TPCB) - Hồng Nam (huyện Hòa An), tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hòa An, UBND Thành phố	2021-2023	120,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
8	Đường và cầu nối giữa bờ Bắc - bờ Nam thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyên Bình	Sở GTVT, Sở KHĐT.	2021-2023	31,8	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
9	Đường vào khu vực khai thác, chế biến VLXD tập trung của TPCB	UBND Thành phố	Sở GTVT, Sở KHĐT	2021-2022	50,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
10	Cầu và đường nối QL34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hòa An, huyện Thạch An	2021-2023	130,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
11	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 209, tỉnh Cao Bằng (Lý trình Km19+00 - Km79+00 và cầu BTCT tại Km15+200)	Theo cáp có tham quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hòa An	2022-2025	650,6	Vốn ODA, NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
12	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 204 (Thị trấn Thông Nông - xã Cản Yên), huyện Hà Quảng, lý trình Km27-Km45+300	Theo cáp có tham quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hà Quảng		215,0	Vốn A rập xê út, NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
13	Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Theo cáp có tham quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hòa An	2022-2025	197,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Bảo Toàn (huyện Bảo Lạc) - Đức Hạnh (huyện Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng	Theo cáp có tham quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm	2022-2024	50,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
15	Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	Theo cáp có tham quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Quảng Hòa	2024-2027	200,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	

Phân phát triển hạ tầng giao thông

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
16	Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng	Theo cấp có thẩm quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Hà Quảng	2024-2027	200,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
17	Đường nội thị thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An	Theo cấp có thẩm quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND huyện Thạch An	2022-2024	60,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
18	Cầu, đường nối phường Hợp Giang - Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Theo cấp có thẩm quyền giao	Sở GTVT, Sở KHĐT, UBND thành phố Cao Bằng	2022-2025	150,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
19	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pòng - Đức Hạnh (Cầu qua sông Gâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Bảo Lâm	Sở GTVT, Sở KHĐT	2020-2024	335,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Dự án triển khai theo tiến độ được duyệt	
<b>PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG NÔNG THÔN</b>				<b>3.441,0</b>				
1	Phản đấu 85% chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường	UBND các huyện, thành phố	Sở GTVT, Sở KHĐT, Sở Tài chính	2021-2025		NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đạt mục tiêu đề ra	
2	Phản đấu 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa	UBND các huyện, thành phố	Sở GTVT, Sở KHĐT, Sở Tài chính	2021-2025		NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đạt mục tiêu đề ra	
<b>TỔNG NHU CẦU VỐN</b>				<b>11.738,8</b>				



Phản phát triển hạ tầng du lịch

**BIỂU DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH CAO BẰNG**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Các Dự án, Đề án đầu tư phát triển du lịch</b>					
1	Dự án Bốt kiểm soát, hàng rào biên giới, hàng rào ranh giới; đường cầu tuần tra biên giới trong khu du lịch thác Bản Giốc	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	UBND huyện Trùng Khánh và các đơn vị liên quan	2021-2023	NSDP	32,3
2	Dự án Trùng tu, tôn tạo các di tích gốc đầu nguồn Pác Bó thuộc khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan	2022-2025	NSDP	70,0
3	Dự án Vườn hoa và tượng đài tinh tại Khu vực ngã ba lán Khuổi Nậm, khu di tích lịch sử Pác Bó (huyện Hà Quảng)	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan	2020-2021	NSDP	7,6
4	Đầu tư nâng cấp, cải tạo Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo và Đèn Đồng Mu	Bộ Quốc phòng	Các đơn vị liên quan	2021 - 2025	NSTW	30,5
5	Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp Khu di tích Quốc gia đặc biệt di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan	2022-2025	NSDP	100,0
6	Dự án Đường đi bộ vào động Dơi, xã Đồng Loan (huyện Hạ Lang)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan.	2021-2023	NSDP	14,2

Phân phát triển hạ tầng du lịch

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
7	Dự án tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử thuộc địa bàn các xã An toàn khu cách mạng tỉnh Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường; UBND các huyện và các đơn vị liên quan.	2021 - 2025	NSTW	90,0
	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ hoạt động du lịch</b>					<b>706,2</b>
1	Dự án Khu liên hợp thể thao tỉnh	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan.	2023-2025	NSTW và NSDP	300,0
2	Dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan.	2021-2024	NSTW	376,0
3	Tu bổ, nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Gióng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan.	2021-2023	NSTW và NSDP	30,2
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>					<b>1.050,8</b>

Phản phát triển hạ tầng của khẩu

**BIỂU DANH MỤC MỘT SÓ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỐC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH CAO BẰNG**  
*(Nội dung về kết cấu hạ tầng cửa khẩu - Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh là Chủ đầu tư)*

STT	Danh mục dự án (*)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư và nguồn vốn		Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (đã bố trí)	Ghi chú	Đơn vị: triệu đồng			
			Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Vốn NSTW	NSDP				
<b>A CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSNN</b>												
<b>TỔNG CỘNG (I + II)</b>												
<b>I</b>	<b>Dự án chuyên tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 hoàn thành năm 2021</b>		485.939	253.000	232.939	110.815	119.205	181.610	46.045			
1	Đường cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (Đoạn A10-E5-N9; A11-E6-N10; E5-E6)	2016-2021	36.988		36.988	2.000		2.000				
2	Xây dựng bãi rác thải và cải tạo, nâng cấp đường vào bãi rác thái tại lối mòn Nà Lạn, huyện Thạch An	2019-2021	12.997		12.997	5.200		5.200				
3	Đường từ trung tâm xã Thị Hoa đến cửa khẩu Hả Lang, huyện Hả Lang, tỉnh Cao Bằng	2019-2021	36.000		36.000	9.900		9.900				
4	Trạm kiểm soát liên hợp và hạ tầng cửa khẩu Sóc Giang, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2016-2021	199.995	100.000	99.995	82.254	7.744	74.510	7.744			
5	Hệ thống đường giao thông chính và hạ tầng thiết yếu khác trong khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh tỉnh Cao Bằng	2016-2021	199.959	153.000	46.959	11.461	11.461	0	11.461			
<b>II Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>												
<b>(1) Dự án sử dụng vốn NSDP</b>												
1	Công quốc mòn cửa khẩu Lý Vạn huyện Hả Lang	2021-2023	90.000	0	90.000	90.000	0	90.000	11.740			
2	Nhà kiêm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng	2021-2023	10.000	-	10.000	10.000	0	10.000	5.000			
3	Nhà máy cấp nước sạch thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2021-2023	50.000		50.000	50.000	0	50.000	4.000			
<b>(2) Dự án sử dụng vốn NSTW</b>			<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
1	Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông)	2022-2025	100.000	100.000	-	100.000	100.000	0				
<b>III. Nhu cầu dự án đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 sau khi đàm bảo trí được nguồn lực</b>												
1	Khu trung chuyển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa tại cảng chờ Pò Tapse (Việt Nam)-Thùy Khẩu (Trung Quốc)	2022-2025	200.000	200.000	-	200.000	200.000	0				

Phản phát triển hạ tầng cửa khẩu

STT	Danh mục dự án (*)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư và nguồn vốn			Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021 (đã bố trí)	Ghi chú
			Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Vốn NSTW	NSDP		
2	Hạ tầng cửa khẩu Lý Vạn (Đường trực chính theo Quy hoạch khu vực lối mở Bản Khoảng và cửa khẩu Lý Vạn; Nhà trạm kiểm soát liên hợp và hạ tầng khu vực mốc 854-bao gồm cả barie kiểm soát số 1 và số 2; Trạm kiểm soát cửa khẩu và hạ tầng cảnh quan khu vực cửa khẩu Lý Vạn; đường từ Lũng Đa đi cửa khẩu Lý Vạn)	2022-2025	250.000	250.000	-	250.000	250.000	0		
3	Hạ tầng cảnh quan lối mờ Nà Đoòng thuộc khu vực cửa khẩu Trà Linh huyện Trùng Khánh	2021-2023	10.000	-	10.000	10.000	0	10.000		
4	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Pò Peo huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2022-2024	40.000	-	40.000	40.000	0	40.000		
5	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Hạ Lang (Bí Hà) huyện hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	2022-2025	50.000	-	50.000	50.000	0	50.000		
6	Lập quy hoạch phân khu chức năng sau khi Quy hoạch chung KKTCK được phê duyệt	2022-2024	40.000	-	40.000	40.000	0	40.000		
8	Hạ tầng cửa khẩu sóc Giang, huyện Hà Quảng (phản còn lại)	2022-2025	70.000	70.000	70.000	70.000	0	70.000		
9	Giải phóng mặt bằng theo quy hoạch phân khu chức năng trong Khu kinh tế cửa khẩu đã được phê duyệt	2022-2025	100.000			100.000		100.000		
10	Nhà máy nước sạch khu vực cửa khẩu Lý Vạn	2023-2025	40.000			40.000		40.000		
11	Bãi rác khu vực cửa khẩu Lý Vạn	2023-2025	20.000			20.000		20.000		
12	Đường giao thông cửa khẩu Sóc Giang (nâng cấp cài tạo đoạn còn lại)	2023-2025	20.000			20.000		20.000		
13	Đường và hạ tầng Khu tái định cư Đức Long	2023-2025	40.000			40.000		40.000		
14	Khu tái định cư cửa khẩu Pò Peo	2023-2025	75.000			75.000		75.000		
15	Khu tái định cư cửa khẩu Lý Vạn	2023-2025	25.000			25.000		25.000		
<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH (ĐƠN VỊ: TỶ ĐỒNG)</b>			<b>10.265</b>	-	-	<b>10.265</b>	-	-	-	-
1	Dự án cảng cạn ICD khu trung chuyển hàng hóa XNK nông sản tại khu vực cửa khẩu Trà Linh Phong	2022	8.000			8.000				
2	Khu phức hợp dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp xã Định Phong	2025	1.500			1.500				
3	Dự án khu dân cư Cửa khẩu Pò Peo, xã Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2024	80			80				
4	Trung tâm thương mại, kho bãi và khu du lịch Lý Vạn, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	2025	600			600				

Phản phát triển hạ tầng cửa khẩu

Số tự tố	Danh mục dự án (*)	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư và nguồn vốn		Nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (đã bố trí)	Ghi chú	
			Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Vốn NSTW	NSDP	
5	Kho bãi tập kết hàng hóa cửa khẩu Pò Peo, tỉnh Cao Bằng	2023	25			25			
6	Bãi bốc xếp, kho hàng hóa Cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao	2022	30			30			
7	Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Khách sạn - Văn phòng - Căn hộ cho thuê Cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng	2021	30			30			

**GHI CHÚ:**

- (\*)  $T_{\text{tổng}} = (I + II)$
- (\*) Ưu tiên bố trí vốn đủ vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp trong
- (\*) *Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án theo thứ tự từ trên xuống dưới*



Phản phát triển hạ tầng đô thị

**BIEU DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG  
GIAI ĐOÀN 2021 - 2025 TỈNH CAO BẰNG**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng đề án, lập quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc</b>				61.766			
1	Lập quy hoạch các đô thị các huyện, thành phố	Sở Xây dựng và UBND huyện, thành phố	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Trùng Khánh	2021-2023	44.766	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.1	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trùng Khánh</i>	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	2.650	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.2	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thành Nhật</i>	UBND huyện Hà Lang	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	1.256	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.3	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Xuân Hoà, Hà Quảng</i>	UBND huyện Hà Quảng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	2.900	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.4	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Quang Uyên, huyện Quang Hòa</i>	UBND huyện Quang Hòa	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	1.800	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.5	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Bảo Lạc</i>	UBND huyện Bảo Lạc	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	2.400	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.6	<i>Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nước Hai</i>	UBND huyện Hòa An	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	3.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
1.7	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	3.500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	Đã bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 là 30 tỷ đồng, bao gồm
1.8	Quy hoạch chi tiết khu vực hai bên đường vào động Nguồm Ngao, xã Đầm Thuỷ, huyện Trùng Khánh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Trùng Khánh	2021-2023	1.100	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.9	Quy hoạch phân khu Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	1.680	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.10	Quy hoạch phân khu Phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	3.710	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	Đang tiến hành
1.11	Quy hoạch phân khu Phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	3.710	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.12	Quy hoạch phân khu Phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	3.160	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.13	Quy hoạch phân khu xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	4.950	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
1.14	Quy hoạch phân khu xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	4.950	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.15	Quy hoạch chung xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh (TT Bản Giốc)	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	2.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
1.16	Quy hoạch chung xã Sóc Giang, huyện Hà Quảng (TT Sóc Giang)	UBND huyện Hà Quảng	Các sở, ngành liên quan	2021-2023	2.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
2	Lập quy hoạch khu xử lý chất thải xây dựng tại các đô thị, các huyện, thành phố	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2023	2.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
3	Lập quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh và nghĩa trang các đô thị trên địa bàn	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	2022-2024	5.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đồ án quy hoạch	
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch đô thị	UBND các huyện	Các Sở ngành liên quan	2022-2023	6.500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.1	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	Các Sở ngành liên quan	2022-2023	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.2	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thanh Nhát	UBND huyện Hạ Lang	Các Sở ngành liên quan	2022-2024	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
4.3	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Xuân Hòa, Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	Các Sở ngành liên quan	2022-2025	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.4	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	UBND huyện Quảng Hòa	Các Sở ngành liên quan	2022-2026	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.5	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Bảo Lạc	UBND huyện Bảo Lạc	Các Sở ngành liên quan	2022-2027	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.6	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Nước Hai	UBND huyện Nước An	Các Sở ngành liên quan	2022-2028	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.7	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	Các Sở ngành liên quan	2022-2029	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	
4.8	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Trà Linh, huyện Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	Các Sở ngành liên quan	2022-2030	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	2021-2025
4.9	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Bảo Lâm, huyện Bảo Lâm	UBND huyện Bảo Lâm	Các Sở ngành liên quan	2022-2031	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc	

STT	Nội dung công việc	Phân phát triển hạ tầng đô thị					
		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm
4.10	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyễn Bình	UBND huyện Nguyễn Bình	Các Sở ngành liên quan	2022-2032	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc
4.11	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyễn Bình	UBND huyện Nguyễn Bình	Các Sở ngành liên quan	2022-2033	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc
4.12	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Bản Giốc, huyện Trùng Khánh	UBND huyện Trùng Khánh	Các Sở ngành liên quan	2022-2034	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc
4.13	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Sóc Giang, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	Các Sở ngành liên quan	2022-2035	500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy chế quản lý kiến trúc
5	Lập đề án xây dựng thị trấn Trùng Khánh đạt loại IV, thị trấn trà lĩnh đạt một số tiêu chí loại IV, giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Trùng Khánh	Các Sở ngành liên quan	2021-2022	2.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đề án
6	Điều chỉnh các khu vực phát triển đô thị thành phố Cao Bằng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021	1.500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hồ sơ khu vực phát triển đô thị
7	Xây dựng và ban hành quy định về công nhận các tuyến phố văn minh đô thị	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Các Sở ngành liên quan	2021-2022		Quy định công nhận các tuyến phố văn minh đô thị	
8	Rà soát chương trình phát triển đô thị các huyện; xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân các huyện	Sở Xây dựng và các sở ngành liên quan	2021-2022		Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển đô thị các huyện	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
<b>II Đầu tư xây dựng Hạ tầng đô thị</b>								
<b>1</b>	<b>Hạ tầng xã hội</b>				<b>298.532</b>			
1.1	Trường mầm non Sông Hiến A, thành phố Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2024	52.432	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
1.2	Nhà văn hóa trung tâm xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	UBND xã Đàm Thủy	2021-2022	3.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	Đã bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
1.3	Sân thể thao trung tâm xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	UBND xã Đàm Thủy	2021-2022	1.100	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
1.4	Khu phức hợp chợ, bãi đỗ xe, mặt bằng phục vụ các hoạt động thương mại dịch vụ tại khu vực Khu tái định cư 1, thành phố Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	50.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
1.5	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng - giai đoạn II	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2024	72.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
1.6	Xây dựng mới Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2023-2026	120.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
<b>2</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>1.333.301</b>			
2,1	Đập dâng nước và kè chống sạt lở bờ, bảo vệ dân cư bờ phải Sông Bằng, phường Hợp Giang - phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng	UBND Thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021	82.539	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,2	Đường vào trụ sở Cục Thi hành án tinh Cục thi hành án Cao Bằng	Cục thi hành án Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2022-2024	14.500	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
2,3	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2020-2022	29.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,4	Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng	UBND Thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	250.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,5	Hỗ trợ vốn để thực hiện các công trình xây dựng đô thị Phục Hòa, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đạt tiêu chí đô thị	UBND huyện Quảng Hòa	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	40.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,6	Dự án kè chống sạt lở bờ, ổn định dân cư bờ trái sông Băng, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021	50.000	NSNN và các nguồn vốn hợp NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	(1) Đã bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025
2,7	Kè chống sạt lở bờ, ổn định dân cư bờ phải Sông Hiền, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021	65.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,8	Kè chống sạt lở ồn định dân cư Cao Bình, xã Hung Đạo, thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021	135.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,9	Kè chống sạt lở bờ sông Băng, Bảo vệ khu dân cư thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Hòa An	2021	9.832	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,10	Cơ sở hạ tầng tại khu du lịch Thác Bản Giốc huyện Trung Khanh tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Trùng Khánh	2021-2024	120.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,11	Cầu, đường nối phường Hợp Giang - Sông Băng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	UBND Thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	150.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,12	Dự án cấp nước sinh hoạt thị trấn Xuân Hòa, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Hà Quảng	2020-2022	50.000	Vốn vay ADB và vốn đối ứng	Hạ tầng đô thị	

**Phản phát triển hạ tầng đô thị**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
2,13	Dự án cấp nước sinh hoạt thị trấn Pác Miếu huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan và UBND huyện Bảo Lâm	2019-2022	42.430	từ NSTW và NSDP	Hạ tầng đô thị	
2,14	Khu tái định cư 2 khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng	UBND Thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	250.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	(2) Đề nghị bổ sung thêm vào danh mục đầu tư công 2021-2025
2,15	Mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An	UBND huyện Hòa An	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	15.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,16	Dự án xây dựng Trạm xử lý nước và mạng lưới cung cấp nước sạch thị trấn Tịnh Túc	UBND huyện Nguyên Bình	Các sở, ngành liên quan	2021-2024	10.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,17	Dự án xây dựng Trạm xử lý nước và mạng lưới cung cấp nước sạch thị trấn Bản Giốc	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2022-2024	10.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
2,18	Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch thị trấn Sóc Giang, huyện Hà Quảng	UBND huyện Hà Quảng	Các sở, ngành liên quan	2022-2024	10.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	
<b>3 Vệ sinh môi trường</b>						<b>106.000</b>	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.1	Khu nghĩa trang nhân dân khu cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2022	6.000		Hạ tầng đô thị	(1)
3.2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng thành phố Cao Bằng	UBND thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	100.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	(2)
<b>4 Kiến trúc cảnh quan đô thị</b>						<b>1.510.558</b>	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.1	Phố đi bộ ven sông Bằng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	UBND Thành phố Cao Bằng	Các sở, ngành liên quan	2021	100.000		Hạ tầng đô thị	(1) Đã lắp xây

**Phân phát triển hạ tầng đô thị**

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện		Dự kiến kinh phi (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
				Tháng	Năm				
4.2	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2024	376.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	vốn đầu tư công giai đoạn 2021- 2025	
4.3	Trụ sở HĐND, UBND và Đoàn ĐBQH tỉnh	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2024	350.000	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	vốn đầu tư công giai đoạn 2021- 2025	
4.4	Hợp khối trù sở các sở, ban, ngành khỏi chính quyền	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	684.558	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hạ tầng đô thị	vốn đầu tư công giai đoạn 2021- 2025	
<b>5</b>	<b>Các dự án Phát triển đô thị, dự án nhà ở đô thị</b>				<b>9.683.312</b>				
5.1	Dự án phát triển đô thị số 3A, phường Đề Thám thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND	2021-2025	1.082.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.2	Dự án phát triển đô thị số 4A1, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	1.400.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.3	Dự án phát triển đô thị số 5A, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	1.000.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.4	Dự án phát triển đô thị số 6A, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	502.500	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.5	Dự án phát triển đô thị số 7A, phường Sông Hiển, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	433.200	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.6	Dự án phát triển đô thị số 8A, phường Sông Hiển, Thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND	2021-2025	68.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		
5.7	Dự án phát triển đô thị số 9A, phường Sông Hiển, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	721.400	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị		

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
5.8	Dự án phát triển đô thị số 10A, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	581.100	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.9	Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê đối với một số lô đất tại phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	145.865	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.10	Dự án phát triển đô thị phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	1.471.570	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.11	Dự án phát triển đô thị Khuổi Dua-Dự án 1B, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	267.738	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.12	Dự án phát triển đô thị Bắc Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành liên quan và UBND thành phố	2021-2025	874.624	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.13	Dự án phát triển Quỹ đất, phân lô nhà ở chợ trung tâm thị trấn Thanh Nhât, huyện Hạ Lang	Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	29.770	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.14	Dự án phát triển Quỹ đất, phân lô nhà khu phía bắc (xóm Nà Èn), thị trấn Thanh Nhât, huyện Hạ Lang	Ủy ban nhân dân huyện Hạ Lang	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	46.220	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.15	Dự án phát triển đô thị Pác Cam - Pắc Cúng, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	120.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.16	Dự án Phát triển đô thị Khu đô thị Đông Nam thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	150.600	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.17	Dự án PTĐT Khu Thương mại dịch vụ Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	13.725	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.18	Dự án phát triển đô thị Khu I, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	105.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	

Phản phát triển hạ tầng đô thị

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả/Sản phẩm	Ghi chú
5.19	Dự án phát triển đô thị Đức Hồng, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	270.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.20	Dự án phát triển đô thị tại thị trấn Bảo Lạc	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lạc	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	100.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.21	Dự án phát triển đô thị tại thị trấn Nước Hai	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	100.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.22	Dự án phát triển đô thị tại thị trấn Pắc Mieu, huyện Bảo Lâm	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	100.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
5.23	Dự án phát triển đô thị tại thị trấn Xuân Hoà, huyện Hà Quảng	Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng	Các sở, ngành liên quan	2021-2025	100.000	Vốn ngoài ngân sách	Hạ tầng đô thị	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>12.993.469</b>			



Phản phát triển hạ tầng số

**BIEU DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH CAO BẰNG**

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Kết quả/Sản phẩm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>36,90</b>			
1	Nâng cấp, xây dựng nền tảng, duy trì hoạt động Trung tâm điều hành, giám sát thông minh của tỉnh Cao Bằng (IOC)	Sở TTTT	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025	8,9	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ dự án được duyệt	
2	Thuê dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ triển khai các ứng dụng Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	4,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ dự án được duyệt	
3	Xây dựng hệ thống mạng diện rộng (WAN) tỉnh Cao Bằng	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	24,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ dự án được duyệt	
<b>II</b>	<b>Hạ tầng hệ thống nền tảng</b>				<b>7,50</b>			
1	Thuê nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Cao Bằng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TTTT	2020	7,5	NSNN	Hệ thống thông tin	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng dữ liệu</b>				<b>11,1</b>			
1	Thuê lưu trữ dữ liệu (khi chưa có trung tâm dữ liệu tỉnh)	Sở TTTT	Văn phòng UBND tỉnh	2021-2025	3,1	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ dự án được duyệt	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống nền cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	8,0	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ dự án được duyệt	
<b>IV</b>	<b>Đảm bảo an toàn thông tin</b>				<b>11,9</b>			
1	Thuê dịch vụ Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	11,9	NSNN	Theo tiến độ dự án được duyệt	

Phản phát triển hạ tầng số

<i>STT</i>	<i>Nội dung công việc</i>	<i>Cơ quan chủ trì</i>	<i>Cơ quan phối hợp</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)</i>	<i>Nguồn vốn</i>	<i>Kết quả/Sản phẩm</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>V</b>	<b>Nguồn nhân lực CNTT</b>				<b>6,2</b>			
1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao cho cán bộ chuyên trách, cán bộ công chức, viên chức về CNTT, an toàn thông tin các đơn vị trên địa bàn	Sở TTTT	Các cơ quan, đơn vị	2021-2025	6,23	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo tiến độ kế hoạch được duyệt	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>73,6</b>			